UBND HUYỆN SA THẦY **THANH TRA HUYỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/KL-TTr	*Sa Thầy, ngày 17 tháng 6 năm 2020*

KẾT LUẬN THANH TRA
Kết quả thanh tra trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy
(thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019)

Thực hiện Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2020; Quyết định số 03/QĐ-TTr, ngày 16/01/2020 của Thanh tra huyện về việc Thanh tra trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy. Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra tại Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-TTr, ngày 10/6/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Chánh Thanh tra huyện Kết luận như sau:

I. Khái quát chung

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện được Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập lại tháng 3/2017, nhằm mục tiêu góp phần giải quyết các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, lấy từ nguồn quản lý dự án, phí, lệ phí từ đấu thầu, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên, ngân sách nhà nước hỗ trợ…là chủ yếu để tự đảm bảo chi thường xuyên cho đơn vị.

Tổng số công chức, viên chức của cơ quan là 20 người, gồm Ban Giám đốc; các bộ phận chuyên môn là: Tổ giao thông, thủy lợi; Tổ dân dụng công nghiệp và tổ Kế hoạch -Tổng hợp. BQLDA ĐTXD huyện được giao làm Chủ đầu tư và ủy quyền làm chủ đầu tư các dự án, công trình do cấp tỉnh, huyện quyết định đầu tư, bắt đầu từ lập kế hoạch dự án; Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; Các nhiệm vụ thực hiện dự án; Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng. Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân; Các nhiệm vụ hành chính, Điều phối và trách nhiệm giải trình; Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án gồm *(Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng; Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường; Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện).*

Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình. Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả thanh tra

1. Tình hình thực hiện

Trong năm 2019, với nhiều nguồn vốn khác nhau, UBND huyện giao cho BQLDA ĐTXD làm Chủ đầu tư và ủy quyền làm chủ đầu tư, với 78 công trình *(theo Báo cáo BQLDA ĐTXD huyện)*, với tổng mức đầu tư là 249,862 tỷ đồng *(trong đó, cấp Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư là 04 công trình, số tiền 24,402 tỷ đồng; cấp Huyện quyết định chủ trương đầu tư là 74 công trình, số tiền là 225,46 tỷ đồng)*. Số công trình đầu tư xây dựng: 02 công trình lập dự án đầu tư; 76 công trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật cụ thể như sau:

- *Chi đầu tư xây dựng cơ bản:* BQL dự án đầu tư xây dựng được UBND huyện giao 128,402 tỷ đồng, bằng những nguồn vốn khác nhau để thực hiện 78 công trình, với tổng mức đầu tư được duyệt là 249,862 tỷ đồng. Hiện nay các công trình này đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tổng vốn đã giải ngân năm 2019 là 114,613 tỷ đồng.

- *Chi thường xuyên:* Tổng nguồn thu chi phí QLDA trong năm 2019 là 4.395.495.952 đồng. Tổng nguồn chi trong năm là 2.409.326.644 đồng. Còn lại chuyển sang năm 2020 thực hiện là 1.986.169.308 đồng.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế BVTC-DT, tổng dự toán, đấu thầu, thực hiện các hợp đồng; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình đưa vào sử dụng thực hiện đúng theo Luật đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển.

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lập, giao kế hoạch; phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển, vốn chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn ngân sách địa phương.

Trong năm 2019, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện đã lập kế hoạch, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật và đúng mục tiêu của từng nguồn vốn. Kế hoạch phân bổ đã được thông qua Nghị quyết của HĐND huyện. Bố trí đủ vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch; các công trình, dự án được bố trí vốn nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng. Vốn bố trí tập trung, bảo đảm tính cấp thiết, hiệu quả đầu tư và bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư phát triển.

2.2. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, thực hiện dự án đầu tư.

- Tại thời kỳ thanh tra, Đoàn thanh tra chọn 78 dự án, công trình để kiểm tra *(có danh mục công trình kèm theo- Phục lục số 1).*

- Kiểm tra công tác lập, trình thẩm định, phê duyệt Dự án đầu *tư (Báo cáo kinh tế kỹ thuật)*; Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán và việc giao làm chủ đầu tư các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách địa phương, và chương trình MTQG.

Tất cả 78 công trình kiểm tra, chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chấp hành theo quy định của pháp luật về lập, trình thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư *(Báo cáo kinh tế kỹ thuật)*; Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán. Việc thực hiện Dự án đầu tư; kết thúc đầu tư, đưa Dự án đầu tư vào khai thác, sử dụng đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hầu hết các Dự án đầu tư khi đưa vào khai thác đã phát huy được hiệu quả sử dụng, đáp ứng được mục tiêu đề ra ban đầu của Dự án.

- Kiểm tra công tác nghiệm thu, thanh toán

Trong quy trình thi công, giai đoạn khối lượng hoàn thành, chủ đầu tư cử bộ phận kỹ thuật đến kiểm tra, giám sát tại công trình, chỉ điều chỉnh số liệu trên Bản vẽ hoàn công và bảng tính trên file (*không có cung cấp cho cơ quan giám sát*), để lập Biên bản nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành để các bên ký kết.

Tuy nhiên, trong công tác nghiệm thu, chủ đầu tư đã thanh toán cho các nhà thầu, đã tính trừ theo khối lượng đã thực hiện và không thực hiện. Trong trong công tác nghiệm thu, thanh toán vượt khối lượng công trình.

1. Công trình xây mới trường nhà học 02 phòng trường mần non Hoa Sen: Quá trình thi công đơn vị không thực hiện *(phần trác tường ngoài, dày 1,5cm, vữa xi măng M50; sơn tường ngoài 1 lớp lót, 2 lớp phủ)* vẫn đưa vào thanh toán cho nhà thầu, giá trị 02 hạng mục 599.443đ + 372.323đ. Số tiền: 971.766 đồng.

2. Công trình giếng khoan điểm trường trung tâm trường MN Sơn Ca xã Hơ Mong: Đơn vị xác nhận giá trị khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công.

+ Hạng mục: Vữa lót, chiều dày 3cm, VXM M50 khối lượng 7,35m^2, khối lượng thanh toán 40,1m^2, giá trị hạng mục 2.081.132đ.

+ Hạng mục: Bê tông nền đá 1x2 vữa BT M50 khối lượng 1,2m^3, khối lượng thanh toán 4,84m^3, giá trị hạng mục 5.910.126đ. Số tiền: 2.081.132đ + 5.910.126đ = 7.991.158 đồng.

3. Công trình trường PTDTBT – THCS Nguyễn Huệ xã Mô Ray *(hạng mục nhà học 02 phòng và các công trình phụ trợ):* Đơn vị xác nhận giá trị khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công và hợp đồng.

Hạng mục: Lát nền, sàn bằng gạch ceramic 500x500mm, khối lượng 133.11m^2, khối lượng thanh toán 135,59m^2, giá trị hạng mục 649.057đ. Số tiền: 649.057 đồng.

4. Công trình sữa chữa nhà vệ sinh, giếng nước trường PTDTBT Lý Thường Kiệt xã Mô Ray *(điểm trường trung tâm và làng Rẽ).*

Đơn vị xác nhận giá trị khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công và hợp đồng, Sân bê tông:

+ Hạng mục xây móng bằng gạch chỉ (6,5x10,5x22) chiều dày <=33cm, VXM cát mịn M75, khối lượng thanh toán 3,944m^3, khối lượng bản vẽ phê duyệt 3,8m^3, giá trị hạng mục 251.190đ.

+ Hạng mục trác tường ngoài, dày 1,5 cm vữa xm M50, đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán 42,88m^2, khối lượng bản vẽ phê duyệt 36m^2, giá trị hạng mục 646.286đ. Số tiền: 251.190đ + 646.286đ = 897.476 đồng.

5. Công trình kiên cố hóa trường lớp học MN, tiểu học trên địa bàn huyện

Đơn vị xác nhận giá trị khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công và hợp đồng.

- Nhà học 04 phòng trường Nầm Non Bình Minh: Hạng mục bê tông lót móng rộng <=250cm đá 4x6 M100, đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán 13,7m^3, khối lượng bản vẽ thiết kế 12,8m^3, giá trị hạng mục 901.646đ.

- Quá trình kiểm tra thực tế tại công trình

+ Nhà học 04 phòng trường TH – THCS Võ Nguyên Giáp xã Mo Ray, tường có một số vết nứt, mái sê nô một số vị trí thấm.

+ Nhà học 02 phòng trường TH xã Rờ Kơi tường có một số vết nứt.

+ Nhà học 02 phòng trường TH xã Ya Yiêr tường có một số vết nứt, mái sê nô một số vị trí thấm.

+ Nhà học 02 phòng trường TH Trần Quốc Toản xã Hơ Moong *(Điểm tân sang)* tường có một số vết nứt, mái sê nô một số vị trí thấm.

+ Nhà học 02 phòng trường mầm non Sơn Ca xã Hơ Moong *(điểm trung tâm)* tường có một số vết nứt, mái sê nô một số vị trí thấm.

+ Nhà học 02 phòng trường mầm non Sơn Ca xã Hơ Moong *(điểm Tân Sang)* tường có một số vết nứt, mái sê nô một số vị trí thấm.

+ Nhà học 04 phòng trường Mầm Non Bình Minh tường có một số vết nứt, mái sê nô một số vị trí thấm. Số tiền: 901.646 đồng.

6. Công trình đường làng tăng đi khu sản xuất làng Tang *(đoạn Km00 +00 – Km0+720):* Quá trình vị thi công chưa thực hiện công tác chèn khe giấy dầu rãnh dọc, ván khuôn rãnh dọc và lót giấy dầu rãnh dọc, giá trị hạng mục 262.869đ. Số tiền: 262.869 đồng.

7. Công trình trường PTDTBT Tiểu học Lý Thường Kiệt xã Mô Ray (*hạng mục giếng khoan điểm trung trâm, làng Grập, làng xộp)*

Đơn vị xác nhận giá trị khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công và hợp đồng.

+ Hạng mục: Sân Rửa, Bê tông nền đá 1x2 vữa BT M50, khối lượng bản vẽ hoàn công 3,22m^3, khối lượng thanh toán 3,6m^3, giá trị hạng mục 559.958đ.

+ Hạng mục: Sân rửa, láng nền không đánh màu dày 2cm vữa XM M100, khối lượng bản vẽ hoàn công 14m^2, khối lượng thanh toán 21m^2, giá trị hạng mục 497.785đ. Số tiền: 759.958đ + 497.785đ = 1.057.743 đồng.

8. Công trình nâng cấp đường giao thông thôn 4 *(đoạn từ hội trường thôn 4 đi khu sản xuất)* Quá trình thị công đơn vị chưa thực hiện thi công vẫn chấp nhận thanh toán.

+ Hạng mục gia cố rãng (*giấy đầu 2 lớp khe phòng lún rãnh*), giá trị hạng mục 636.890đ;

+ Hạng mục gia cố mái ta ly (*chèn ke bằng nhựa đường*), giá trị hạng mục 329.330đ. Số tiền: 636.890đ + 329.330đ = 966.220 đồng.

9. Xây dựng đường giao thông đi khu sản xuất xã Sa Nghĩa: Quá trình thị công, đơn vị thi công thiếu khe co có thanh truyền lực, giá trị hạng mục 882.930đ. Số tiền: 882.930 đồng.

10. Công trình sữa chữa hệ thống thoát nước, nhà để xe, san dọn mặt bằng trường THCS Nguyễn Tất Thành: Quá trình kiểm tra hồ sơ Lập báo cáo KTKT đơn vị lập dự toán áp dụng đơn tôn sóng vuông mạ màu dày 4 zem chưa phù hợp Công bố giá số 08/CBLS-XD-TC, ngày 16/11/2018, Hạng mục nhà để xe giáo viên: tôn sóng vuông mạ màu dày 4 zem giá lập dự toán 97.273đ; tại thông báo giá thành phố Kon Tum 94.545đ, giá trị hạng mục 306.563đ. Số tiền: 306.563 đồng.

11. Công trình 02 phòng học trường mầm non xã Sa Nhơn: Đơn vị xác nhận giá trị khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công.

+ Bê tông đá 4x6, M50, khối lượng thanh toán 1,967m^3, khối lượng bản vẽ hoàn công 1,7m^3, giá trị hạng mục 265.175đ. Số tiền: 265.175 đồng.

12. Công trình 02 phòng học trường Mần non xã Ya Xiêr

Hạng mục: Công tác ốp gạch vào tường trụ, cột gạch 400x250mm; công tác ốp gạch vào tường trụ, cột gạch 100x250mm đơn vị áp dụng một đơn giá thanh toán là chưa phù hợp, trong dự toán lập hai hạng mục này là hai đơn giá thanh toán khác nhau, giá trị hạng mục 462.812đ. Số tiền: 462.812 đồng.

13. Công trình trường tiểu học Trần Phú xã Sa Nghĩa: Đơn vị chấp nhận khối lượng thanh toán cao hơn khối lượng bản vẽ hoàn công: Hạng mục lát đá granit mặt trên lang can chấp nhận khối lượng thanh toán 3,816m^2, khối lượng bản vẽ hoàn công 3,3m^2, giá trị hạng mục 636.313đ. Số tiền: 636.313 đồng.

14. Công trình chợ đầu mối huyện: Đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công, Sân bê tông đường nội bộ: Hạng mục: Xây tường gạch rỗng 6 lỗ (10x15x22) chiều dày >=10cm, cao <=4m, vữa xi măng M75, khối lượng thanh toán 12,225m^3, khối lượng bản vẽ hoàn công 9,9m^3, giá trị hạng mục 2.898.340đ. Số tiền: 2.898.340 đồng.

15. Đường giao thông kết nối giữa đường từ xã Ya Xiêr đi xã Ya Tăng và xã Ya Ly: Quá trình thi công chưa thực hiện công tác sơn cọc tiêu, lót giấy dầu (*hạng mục cọc tiêu*), giá trị 02 hạng mục 560.988đ + 219.027đ. Số tiền: 780.015 đồng.

16. Khắc phục, sửa chữa đường giao thông vào khu sản xuất thôn Sơn An, xã Sa Sơn: Quá trình vị thi công chưa thực hiện công tác chèn khe co bằng nhựa đường, giá trị hạng mục 1.144.080đ. Số tiền: 1.144.080đồng.

17. Công trình sửa chữa khắc phục cầu tràn làng Lung, huyện Sa Thầy: Đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công Gia cố mái ta luy: Hạng mục: bê tông chân khay đá 1x2, M150, đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán 6m^3, khối lượng bản vẽ phê duyệt 4,8m^3, giá trị hạng mục 1.837.759đ.

Số tiền: 1.837.759 đồng.

18. Công trình khắc phục sửa chữa nền, mặt đường tại km 5 + 930 và km 4+420: Quá trình thi công chưa thực hiện hạng mục chèn khe nhưa đường (*5m/khe*) chưa thực hiện thi công vẫn chấp nhận thanh toán, giá trị hạng mục 7.505.560đ.

Số tiền: 7.505.560 đồng.

19. Nâng cấp đường Bế Văn Đàn:

- Quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn công và thực tế hiện trường thi công đơn vị thi công chưa thi công thân bò vỉa chiều dài 20m, giá trị hạng mục 4.611.840đ. Số tiền: 4.611.840 đồng.

20. Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Sa Nghĩa: Quá trình thi công chưa thực hiện công tác chèn khe giấy dầu rãnh dọc, ván khuôn rãnh dọc, giá trị hạng mục 1.012.822đ. Số tiền: 1.012.822 đồng.

21. Công trình giếng khoán cấp nước tập trung làng Xộp, làng Le xã Mô Ray: Đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán cao hơn sơ với khối lượng bản vẽ hoàn công: Bể chứa: Hạng mục bê tông lót móng rộng >250cm đá 4x6 M100, đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán 3,96m^3, khối lượng bản vẽ hoàn công 3,7m^3, giá trị hạng mục 240.000đ. Số tiền: 240.000 đồng.

22. Công trình đường đi khu sản xuất làng Tang *(đoạn nhà ông Lê Văn Cao đi khu sản xuất)*

- Đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán cao hơn khối lượng bản vẽ hoàn công: Lót giấy dầu, xác nhận khối lượng thanh toán 1066,5m^2, khối lượng bản vẽ hoàn công 1050m^2, giá trị hạng mục 237.567đ.

- Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán nhựa đường vào khe co, giá trị hạng mục 410.672đ. Số tiền: 237.567đ + 410.672đ = 648.239 đồng.

23. Công trình cống hộp mặt đường hai đầu cồng đi khu sản xuất làng Tang, làng Kênh, xã Mô ray: Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán.

+ Đơn vị không thực hiện thi công nhựa đường vào khe co nhưng chủ đầu tư vẫn thanh toán khối lượng này cho nhà thầu, Giá trị hạng mục 396.679đ.

+ Đơn vị không thực hiện thi công sơn cọc tiêu, cọc km an toàn giao thông nhưng chủ đầu tư vẫn thanh toán khối lượng này cho nhà thầu, Giá trị hạng mục 509.109đ.

+ Đơn vị không thực hiện thi công giấy dầu tẩm nhựa đường chèn khe (5m/khe) gia cố mái taly nhưng chủ đầu tư vẫn thanh toán khối lượng này cho nhà thầu, giá trị hạng mục 862.698đ. Số tiền: 396.679đ + 509.109đ +862.698đ = 1.768.486 đồng.

24. Công trình hệ thống thoát nước ngang và bê tông một số đoạn đường đi khu sản xuất thôn khúc Long, gia Xiêng, Kram xã Rờ Kơi: Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán.

+ Không thực hiện thi công nhựa đường vào khe co nhưng chủ đầu tư vẫn thanh toán khối lượng này cho nhà thầu, giá trị hạng mục 563.198đ.

+ Không thực hiện thi công sơn cọc tiêu, cọc km an toàn giao thông nhưng chủ đầu tư vẫn thanh toán khối lượng này cho nhà thầu, giá trị hạng mục 994.556đ; Số tiền: 563.198đ + 994.556đ = 1.557.754 đồng.

25. Công trình sữa chữa cải tạo mặt đường Trần Hưng Đạo, đường Ngô Quyền: Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục đào ĐC3 khuôn đường 66,56m^3, vận chuyển đất cấp 3 66,56m^3 đơn vị chưa thực hiện thi công vẫn chấp nhận thanh toán. Giá trị 02 hạng mục 1.895.296đ + 1.944.817đ; Số tiền: 1.895.296đ + 1.944.817đ = 3.840.113 đồng.

26. Mở rộng đường Trần Hưng Đạo đoạn từ đường Trường Chinh đến đường bê tông ngõ 406 (*trường THCS Nguyễn Tất Thành*): Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục vữa xi măng lắp đặt bó vĩa, giá trị hạng mục 929.448 đồng; Số tiền: 929.448 đồng.

27. Khắc phục, sửa chữa đường từ xã Sa Sơn đi thôn Sơn An (*đoạn từ Km3+100-Km4+680*): Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán chèn khe giấy dầu rãnh dọc và ván khuôn rãnh, giá trị hạng mục 582.928đ; Số tiền: 582.928 đồng.

28. Công trình trường mầm non xã Mo Ray *(hạng mục 6 phòng và 01 phòng học làng Grập):*

- Đơn vị xác nhận khối lượng thanh toán cao hơn khối lượng ký kết hợp đồng.

+ Hạng mục nhà học 6 phòng, nhà hiệu bộ (*phần hầm tự họa*): Bê tông lót móng đá 4x6, M50, khối lượng thanh toán 2,302m^3, khối lượng bản vẽ hoàn công 2,2m^2, giá trị hạng mục 162.033đ.

+ Hạng mục nhà học 01 phòng, nhà hiệu bộ (*phần xây lắp+ giếng nước*): Bê tông lót móng đá 4x6, M50, khối lượng thanh toán 2,072m^3, khối lượng bản vẽ hoàn công 1,6m^3, giá trị hạng mục 749.797đ.

- Quá trình thi công kiểm tra thực tế tại công trình: Đối với hạng mục sân bê tông mặt sân có nhiều bết nứt đơn vị thi công sẽ khắc phục sửa chữa trong thời gian tới; Số tiền: 162.033đ + 749.797đ = 911.830 đồng.

29. Công trình vườn hoa cây xanh trước nghĩa trang liệt sỹ huyện:

- Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán

+ Phần xây lắp nhà quản trang: Hạng mục bê tông đá 4x6 M50 khối lượng thanh toán 2,93m^3, khối lượng bản vẽ hoàn công 1,8m^3, giá trị hạng mục 522.024đ.

+ Hầm tự hoại: Hạng mục trác tường trong dày 10cm theo hồ bãn vẽ phê duyệt, đơn vi lập dự toán, chấp nhận khối lượng thanh toán trác tường trong dày 15cm chưa phu hợp, giá trị hạng mục 469.479đ.

- Quá trình thi công thực hiện hố trồng cây chiều sâu 46cm chưa đúng theo hồ sơ thiết kế là 50cm mà chấp nhận thanh toán theo hồ sơ thiết kế, giá trị hạng mục 2.413.206đ; Số tiền: 522.024đ + 469.479đ + 2.413.206đ = 3.404.709 đồng.

30. Công trình trường mầm non xã Rờ Kơi (*8 phòng học điểm trung tâm*).

- Kiểm tra thực tế tại công trình

+ Đối với hạng mục cắt ron sân bê tông đơn vị thi công chưa đảm bảo theo khối lượng phê duyệt, do đó đoàn thanh tra trừ khối lượng cắt ron 150md. Mặt nền đường bê tông có nhiều vết rạn nứt đơn vị thi công sẽ khắc phục trong thời gian tới, giá trị hạng mục 741.644đ; Số tiền: 741.644 đồng.

31. Công trình đường đi suối Đăk Bliet xã Rờ Kơi: Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục gia cố rãnh hạng mục này chưa thi công vẫn đưa vào thanh toán lót giấy dầu; nhét giấy dầu 2 lớp khe phòng lún rãnh, giá trị 02 hạng mục 1.665.568đ + 445.955đ; Số tiền: 1.665.568đ + 445.955đ = 2.111.523đồng.

32. Xây dựng vỉa hè và hệ thống cấp, thoát nước khu dân cư thôn 01, thị trấn Sa Thầy: Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục chèn khe bằng bao tải tẩm nhựa đường trong hạng mục kè chắn đất, giá trị hạng mục 3.734.810đ; Số tiền: 3.734.810 đồng.

33. Đầu tư kết cấu hạ tầng mở rộng điểm dân cư dọc theo tuyến đường Trần Quốc Toản *(Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến đường U Rê):* Quá trình thi công chưa

thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục vữa xi măng lắp đặt bó vĩa, giá trị hạng mục 3.451.919đ; Số tiền: 3.451.919 đồng.

34. Đường đi khu sản xuất tập trung làng K' bay (*đoạn Km0+00-Km0+720*): Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục chèn khe giấy dầu rãnh dọc, ván khuôn rãnh dọc, giá trị hạng mục 1.235.805đ; Số tiền: 1.235.805 đồng**.**

35. Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 675 đi xã Sa Nhơn: Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục khe giãn, giá trị hạng mục 4.871.688đ; Số tiền: 4.871.688 đồng.

36. Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo (*đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến Đào Duy Từ*): Quá trình thi công chưa thực hiện chấp nhận thanh toán hạng mục.

+ Làm khe co bằng nhựa đường (*mặt đường BTXM*), giá trị hạng mục 677.736đ.

+ Làm lớp đá đêm móng (*hố trồng cây*), giá trị hạng mục 1.891.750đ

+ Lót giấy dầu (*lát gạch vỉa hè đường*), giá trị hạng mục 5.857.264đ

Tổng số tiền: 8.426.750 đồng.

37. Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư thôn 2 thị trấn Sa Thầy *(đoàn chỉ thanh tra nền đường, còn các hạng muc khác đoàn thanh chưa thanh tra)*

Quá trình thi công, đơn vị thi công chưa thực hiện công tác đổ nhựa đường chèn khe co khe dãn, khe dọc hạng mục đường bê tông theo thiết kế, giá trị hạng mục 4.758.890đ; Số tiền: 4.758.890 đồng.

38. Điểm dân cư thôn 1, thị trấn Sa Thầy: Quá trình thi công, đơn vị thực hiện hạng mục hố trồng cây chiều sâu 46cm chưa đúng theo yêu cầu thiết kế là 50cm, mà chấp nhận thanh toán giá trị hạng mục thanh toán vượt, Số tiền: 15.210.233 đồng.

39. Trụ sở công an thị trấn: Quá trình thi công, đơn vị thi công chưa thực hiện hạng mục:

+ Hệ thống điện tổng thể, khối lượng thanh toán 4,83m^3, giá trị hạng mục: 2.235.083đ.

+ Quét nước xi măng hai nước nhà để xe 38m^2, giá trị hạng mục 349.521đ;

Tổng số tiền: 2.584.604 đồng.

40. Trường mầm non hoa hồng giai đoạn 1 *(hạng mực bể chứa ngầm 10 m^3, cổng, tường rào, đơn vị chưa hoàn thành đoàn thanh tra không thanh tra,)*

+ Hạng mục: nhà bếp, ăn: Sản xuất, lắp dựng cốt thép thang lên mái D16, khối lượng thanh toán: 0,012 tấn, đơn vị chưa thực hiện, giá trị hạng mục 262.473đ.

- Hạng mục cổng, tường rào các hạng mục này qua kiểm tra đơn vị chưa thực hiện

+ Bả ma tít vào tường khối lượng 57,58 m^2, giá trị hạng mục này 1.255.868đ

+ Bả ma tít vào cột, dầm, trần khối lượng 48,527 m^2, giá trị hạng mục này 1.267.648đ. Số tiền: 2.785.989 đồng.

41. Cầu treo phục vụ sản xuất thôn Ia Lân, Ia Mang, Ia Rên, Ia Tri, Ia Bong xã Mô Rai: Quá trình kiểm tra thực tế đơn vị thi công chưa thực hiện công tác sơn cọc tiêu, lót giấy dầu cọc tiêu. Giá trị hạng mục 1.122.156đ; Số tiền: 1.122.156 đồng.

Tổng số tiền thanh toán vượt khối lượng với 41 công trình, dự án:

Số tiền là 101.221.666 đồng *(Một trăm lẽ một triệu hai trăm hai mốt ngàn sáu trăm sáu sáu đồng)*.

Trách nhiệm của chủ đầu tư và cán bộ kỹ thuật, cán bộ giám sát khối lượng công trình, việc nghiệm thu thanh toán, hồ sơ dự thầu của đơn vị thi công là chưa đảm bảo, thiếu hồ sơ, thủ tục theo quy định và thanh toán vượt khối lượng 41 công trình trên.

III. Kết luận về những nội dung tiến hành thanh tra

1. Ưu điểm

- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện đã nỗ lực trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng. Thực hiện đúng theo chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

- Công tác triển khai thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án đến giai đoạn thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc đưa công trình của dự án vào khai thác đảm bảo theo quy trình, quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ quan. Từ đó phát huy được hiệu quả của công trình, hạn chế thất thoát ngân sách Nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được ở trên, thì trong công tác quản lý dự án còn có những mặt tồn tại, hạn chế như sau:

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng một số công trình vẫn còn sai lệch khối lượng giữa hồ sơ thiết kế và thực tế thi công; Một số hạng mục thiết kế chưa sát với thực tế công trình.

- Công tác lập hồ sơ quản lý chất lượng công trình chưa cao, hồ sơ quản lý chất lượng công trình vẫn còn thiếu sót như: Thiếu biên bản kiểm tra công trình, nhật ký công trình thiếu chưa ghi chưa đầy đủ quá trình thi công chi tiết công trình, hạng mục công trình.

- Vẫn để xảy ra sai sót khi nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu khối lượng lớn hơn khối lượng thi công thực tế tại hiện trường với số tiền số tiền là 101.221.666 đồng *(Một trăm lẽ một triệu hai trăm hai mốt ngàn sáu trăm sáu sáu đồng)* như đã nêu ở trên.

3. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Từ các nội dung nêu trên, Thanh tra huyện Sa Thầy kiến nghị biện pháp xử lý Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng như sau:

3.1. Về xử lý hành chính

- Ban Quản lý đầu tư và xây dựng huyện thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản.

- Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ để xảy ra sai phạm trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình như nêu trên.

3.2. Về xử lý kinh tế

Chánh thanh tra Quyết định thu hồi số tiền sai phạm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản **số tiền là 101.221.666 đồng** *(Một trăm lẽ một triệu hai trăm hai mốt ngàn sáu trăm sáu sáu đồng)* với 41 công trình, dự án *(kèm theo phụ lục chi tiết số 2)* nộp vào ngân sách Nhà nước qua Tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện (TK số 3949.0.1010180) tại Kho bạc Nhà nước huyện Sa Thầy.

Trên đây là Kết luận thanh tra trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện yêu cầu Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chấp hành./.

Nơi nhận:
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- UBND huyện (báo cáo);
- UBKT Huyện ủy;
- BQLDA ĐTXD huyện (t/h);
- Lưu: VT, HS Thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Lê Đình Dục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THANH TRA

(Phục lục số 01)

Stt	Tên công trình	Tổng giá trị xây lắp phê duyệt (Điều chỉnh)	Giá trị nghiệm thu thanh toán (xây lắp)		
			Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Xây dựng 02 phòng học trường mầm non xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy	1.544.005.755	1.542.225.000	1.541.959	265.175
2	Xây dựng 02 phòng học trường mầm non xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	1.537.540.893	1.535.439.000	1.534.976	462.812
3	Xây dựng Chợ đầu mối huyện Sa Thầy	3.550.381.200	3.487.070.000	3.484.171	2.898.340
4	Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư đường Trần Hưng Đạo (*Đoạn từ C187 cũ đến C187 mới*) thôn 1, thị trấn Sa Thầy	1.400.469.200	1.333.211.000	1.333.211.000	0
5	Trường mầm non Mô Rai (*Hạng mục: Nhà học 06 phòng và 01 phòng học làng Grập*)	4.138.622.951	4.128.866.000	4.127.874.170	991.830
6	Trường mầm non xã Rờ Kơi (*Hạng mục: Xây dựng 08 phòng học điểm trung tâm*)	2.772.090.518	2.772.090.000	2.771.348.356	741.644
7	Sửa chữa, cải tạo vỉa hè đường Lê Duẩn	875.604.747	870.105.000	870.105.000	0
8	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí tại khu vực thị trấn	230.000.000	230.000.000	230.000.000	0
9	Sửa chữa Lắp đặt hệ thống đèn trang trí đường Nguyễn Văn Cừ và Hùng Vương	250.000.000	250.000.000	250.000.000	0
10	Xây dựng mới hệ thống điện hạ thế và trạm biến áp làng O xã Ya Xiêr	743.347.660	741.148.000	741.148.000	0
11	Trường PTDTBT-THCS Nguyễn Huệ xã Mô Rai (*Hạng*	842.560.000	838.672.000	838.022.943	649.057

	mục: Nhà học 02 phòng và các hạng mục phụ trợ)				
12	Trường tiểu học Trần Phú xã Sa Nghĩa (*Điểm trường thôn Đăk Tăng)*	2.186.652.000	2.167.716.000	2.167.715.363	636.313
13	Xây dựng giếng khoan cấp nước tập trung làng Xộp, làng Le xã Mô Rai	708.398.764	662.834.000	664.414.000	420.000
14	Sửa chữa nhà học 02 phòng trường tiểu học xã Rờ Kơi	97.291.020	93.923.000	93.923.000	0
15	Sửa chữa nhà vệ sinh, giếng nước trường PTDTBT Lý Thường Kiệt xã Mô Rai	529.801.481	518.911.000	518.013.524	897.476
16	Sửa chữa hệ thống thoát nước, nhà để xe, san dọn mặt bằng trường THCS Nguyễn Tất Thành	550.089.657	548.244.000	547.917.437	306.563
17	Trường PTDTBT tiểu học Lý Thường Kiệt xã Mô Rai; Hạng mục: Giếng khoan điểm trường trung tâm, giếng đào điểm trường làng GRập, làng Xộp và các hạng mục phụ trợ	695.262.535	694.037.000	692.979.257	1.057.743
18	Trường tiểu học Trần Quốc Toản xã Hơ Moong; Hạng mục: Giếng đào điểm trường thôn Đăk Wớt Yôp và các hạng mục phụ trợ	72.969.904	67.758.000	67.758.000	0
19	Trường mầm non Sơn Ca xã Hơ Moong; Hạng mục: Giếng khoan điểm trường trung tâm, nạo vét giếng điểm trường lang Kơ Tol và các hạng mục phụ trợ	533.456.520	530.879.000	522.898.842	7.991.158
20	Trường mầm non Tuổi Thơ xã Hơ Moong; Hạng mục: Giếng khoan điểm trường trung tâm và các hạng mục phụ trợ	497.797.384	489.025.000	489.025.000	0
21	Bậc cấp lên xuống khu vực đua thuyền độc mộc xã Sa Bình	79.673.593	79.054.000	79.054.000	0

22	Xây mới nhà học 02 phòng trường mầm non Hoa Sen	1.066.229.507	1.047.631.000	1.046.660.234	971.766
23	Hoàn thiện mặt sân Trung tâm văn hóa huyện Sa Thầy	1.032.986.952	1.027.031.000	1.027.031.000	0
24	Di dời hệ thống điện hạ thế đường Trường Chinh	189.410.000	188.193.000	188.193.000	0
25	Di dời sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (*Đoạn từ Trung tâm thương mại đến đường Hàm Nghi*)	182.781.483	182.781.000	182.781.000	0
26	Vườn hoa cây xanh trước nghĩa trang liệt sỹ huyện Sa Thầy	5.800.000.000	5.144.498.000	5.111.093.291	3.404.709
27	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo đoạn từ đường Trường Chinh đến đường bê tông ngõ 406 (*trường THCS Nguyễn Tất Thành*)	3.092.480.548	3.018.458.000	3.017.528.552	929.448
28	Xây dựng vỉa hè và hệ thống cấp, thoát nước khu dân cư thôn 01, thị trấn Sa Thầy	16.553.066.372	16.533.234.000	16.529.499.190	3.734.810
29	Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư thôn 2 thị trấn Sa Thầy *(Hạng mục đường bê tông)*	6.468.734.000	6.468.734.000	6.463.975.110	4.758.890
30	Đầu tư kết cấu hạ tầng mở rộng điểm dân cư dọc theo tuyến đường Trần Quốc Toản (*Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến đường U Rê*)	9.319.417.715	9.289.221.000	9.285.769.081	3.451.919
31	Nâng cấp đường Bế Văn Đàn	7.067.266.000	7.067.266.000	7.062.614.160	4.611.840
32	Sửa chữa các cầu treo dân sinh trên địa bàn huyện Sa Thầy	439.808.000	439.808.000	439.808.000	0
33	Sửa chữa, cải tạo mặt đường Trần Hưng Đạo, đường Ngô Quyền	995.349.000	995.349.000	991.508.887	3.840.113
34	Sửa chữa, nâng cấp ngõ số 350 đường Trần Hưng Đạo	213.868.000	213.868.000	213.868.000	0

35	Nâng cấp đường giao thông thôn 4 (*Đoạn từ hội trường thôn 4 đi khu sản xuất*)	637.832.000	622.438.000	621.471.780	966.220
36	Nâng cấp đường giao thông thôn 3 (*Đoạn nhà bà Trương Thị Thủy đến nhà bà Trịnh Thị Mai*)	452.400.000	452.400.000	452.400.000	0
37	Khắc phục, sửa chữa đường từ xã Sa Sơn đi thôn Sơn An (*đoạn từ Km3+100-Km4+680*)	780.144.000	780.144.000	779.561.072	582.928
38	Khắc phục, sửa chữa đường từ xã Sa Bình đi xã Ya Ly đoạn mặt đường qua làng Khúc Na	358.790.000	358.790.000	358.790.000	0
39	Khắc phục, sửa chữa cầu tràn Đak Char, xã Rờ Kơi	256.902.000	256.902.000	256.902.000	0
40	Khắc phục, sửa chữa nền, mặt đường tại Km5+930 và Km7+420 thuộc đường giao thông từ thị trấn đi xã Ya Ly	128.219.000	128.219.000	120.713.440	7.505.560
41	Khắc phục, sửa chữa cống tròn tại Km1+050, Km4+460, Km4+600 thuộc đường giao thông từ UBND xã Sa Sơn đi thôn Sơn An	86.466.000	86.466.000	86.466.000	0
42	Sửa chữa trung tâm thương mại huyện	973.854.000	973.854.000	973.854.000	0
43	Đường đi khu sản xuất làng Tang (*đoạn Km0+00-Km0+720*)	1.358.274.000	1.358.274.000	1.358.011.131	262.869
44	Đường đi khu sản xuất tập trung làng K' bay (*đoạn Km0+00-Km0+720*)	1.350.579.000	1.349.345.000	1.348.107.390	1.235.805
45	Đường từ làng Rắc đi khu sản xuất làng O	683.455.000	678.061.000	678.061.000	0
46	Đường giao thông từ làng Chờ đi khu sản xuất Ya Bia	1.584.424.000	1.583.850.000	1.583.850.000	0
47	Đường giao thông kết nối giữa đường từ xã Ya Xiêr đi xã Ya Tăng và xã Ya Ly	1.183.687.000	1.183.687.000	1.182.906.985	780.015

48	Đường từ cầu treo làng Lung xã Ya Xiêr đi khu sản xuất	260.000.000	260.000.000	260.000.000	0
49	Xây dựng hệ thống thoát nước rãnh dọc đường trục chính xã Ya Xiêr đi Ya Tăng	502.951.000	502.951.000	502.951.000	0
50	Đường vào khu sản xuất làng Trấp (*đoạn từ đường đi Sê San đến rẫy nhà ông A Đih*)	903.764.000	903.764.000	903.764.000	0
51	Xây dựng cống tràn đoạn Km4+00 thuộc đường từ xã Ya Tăng đi Sê San	945.857.000	945.857.000	945.857.000	0
52	Cầu treo dân sinh thôn Khúc Loong	1.928.328.000	1.928.328.000	1.928.328.000	0
53	Đường đi khu sản xuất Đăk Bliết	1.016.030.000	1.016.030.000	1013.918.477	2.111.523
54	Đường vào khu sản xuất làng Tang (*Đoạn từ nhà ông Lê Văn Cao đi khu sản xuất*)	624.906.000	624.906.000	624.257.761	648.239
55	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Sa Nghĩa	2.388.602.000	2.382.051.000	2.381.038.178	1.012.822
56	Hệ thống cống thoát nước ngang và bê tông một số đoạn đường đi khu sản xuất thôn Khúc Loong, Gia Xiêng, Rờ Kơi và Kram xã Rờ Kơi	1.320.686.000	1.320.686.000	1.319.128.246	1.557.754
57	Cầu treo phục vụ sản xuất thôn Ia Lân, Ia Mang, Ia Rên, Ia Tri, Ia Bong xã Mô Rai	1.643.000.000	1.637.007.000	1.635.884.844	1.122.156
58	Cống hộp và mặt đường hai đầu cống đi khu sản xuất làng Tang, làng Kênh xã Mô Rai	670.996.000	669.663.000	667.894.514	1.768.486
59	Xây dựng vỉa hè và hệ thống thoát nước đường vào trung tâm huyện	2.676.167.000	2.581.053.000	2.581.053.000	0
60	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (*đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Đào Duy Từ*)	3.885.915.000	3.885.915.000	3.877.488.250	8.426.750

61	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông vào khu sản xuất thôn Sơn An, xã Sa Sơn	997.590.000	989.579.000	988.434.920	1.144.080
62	Khắc phục sạt lỡ mố cầu treo ống dẫn nước làng Lung xã Ya Xiêr	99.365.000	99.365.000	99.365.000	0
63	Khắc phục sạt lỡ suối Đăk Sia đoạn qua thị trấn Sa Thầy	338.309.000	338.309.000	338.309.000	0
64	Khắc phục sạt lỡ suối Đăk Sia đoạn qua xã Sa Nghĩa	377.373.000	377.373.000	377.373.000	0
65	Khắc phục, sửa chữa sạt lở cống qua đường đi khu sản xuất làng O, xã Ya Xiêr	64.122.000	64.122.000	64.122.000	0
66	Sửa chữa, khắc phục cầu tràn làng Lung, huyện Sa Thầy	26.000.000	26.000.000	24.162.241	1.837.759
67	Khắc phục, sửa chữa sạt lở suối Tam An đoạn gần đường bê tông dốc ông Tó, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy	493.210.000	493.210.000	493.210.000	0
68	Khắc phục sạt lở hạ lưu cống thoát nước đường Lê Hồng Phong, thi trấn Sa Thầy	298.875.000	298.875.000	298.875.000	0
69	Xây dựng đường giao thông đi khu sản xuất xã Sa Nghĩa	1.484.770.000	1.484.770.000	1.483.887.070	882.930
70	Sửa chữa cầu treo làng Trấp xã Ya Tăng	132.755.000	132.755.000	132.755.000	0
71	Xây dựng đường và hệ thống thoát nước đi khu sản xuất thôn Hòa Bình (*đoạn từ nhà ông Trần Quốc Tuấn đến rẫy nhà ông Đoàn Thanh Lâm - qua đồi cây Trâm*)	690.923.000	690.923.000	690.923.000	0
72	Khắc phục sạt lở đoạn bờ suối Đăk Sia xã Sa Nhơn, nhằm đảm bảo giao thông, an toàn cho các hộ dân sinh sống trong khu vực	1.104.242.000	1.104.242.000	1.104.242.000	0
73	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 675 đi xã Sa Nhơn	7.593.132.000	7.593.132.000	7.588.260.312	4.871.688

74	Dự án điểm khu dân cư thôn 1	54.602.027.000	51.163.922.000	51.148.711.767	15.210.233
76	Sữa chữa, cải tạo các tuyến kênh nội đồng thủy lợi Đăk Sia 2 thị trấn Sa Thầy	834.705.000	834.705.000	834.705.000	0
76	Kiên cố hóa trường lớp học MN, TH trên đian bàn huyện	8.181.330.000	8.101.233.000	8.100.331.354	901.646
77	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng thị trấn Sa Thầy (*giai đoạn 1)*	6.634.389.330	6.625.320.000	6.622.534.011	2.785.989
78	Xây dựng Trụ sở làm việc công an thị trấn Sa Thầy	4.048.806.000	4.028.744.000	4.026.189.396	2.584.604

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SAI PHẠM

(Phục lục số 02)

Stt	Tên công trình	Đơn vị thi công	Số tiền sai phạm
1	Xây dựng 02 phòng học trường mầm non xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy	Công ty TNHH Trường Nguyên	265.175
2	Xây dựng 02 phòng học trường mầm non xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	Công ty TNHH Trường Nguyên	462.812
3	Xây dựng Chợ đầu mối huyện Sa Thầy	Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	2.898.340
4	Trường mầm non Mô Rai (*Hạng mục: Nhà học 06 phòng và 01 phòng học làng Grập*)	Công ty Cổ phần Trường Nhật	991.830
5	Trường mầm non xã Rờ Kơi (*Hạng mục: Xây dựng 08 phòng học điểm trung tâm*)	Công ty Cổ phần Trường Nhật	741.644
6	Trường PTDTBT-THCS Nguyễn Huệ xã Mô Rai (*Hạng mục: Nhà học 02 phòng và các hạng mục phụ trợ*)	Công ty TNHH MTV Đồng Lợi KT	649.057
7	Trường tiểu học Trần Phú xã Sa Nghĩa (*Điểm trường thôn Đăk Tăng)*	Công ty TNHH MTV Trường Xuân KT	636.313
8	Xây dựng giếng khoan cấp nước tập trung làng Xộp, làng Le xã Mô Rai	Công ty TNHH Tùng Thịnh KT	420.000
9	Sửa chữa nhà vệ sinh, giếng nước trường PTDTBT Lý Thường Kiệt xã Mô Rai	Công ty TNHH MTV Đồng Lợi KT	897.476
10	Sửa chữa hệ thống thoát nước, nhà để xe, san dọn mặt bằng trường THCS Nguyễn Tất Thành	Công ty TNHH TV&XD Đại Minh	306.563
11	Trường PTDTBT tiểu học Lý Thường Kiệt xã Mô Rai; Hạng mục: Giếng khoan điểm trường trung tâm, giếng đào điểm trường làng GRập, làng Xộp và các hạng mục phụ trợ	Công ty TNHH Vạn Phú	1.057.743
12	Trường mầm non Sơn Ca xã Hơ Moong; Hạng mục: Giếng khoan điểm	Công ty TNHH H-B Kon Tum	7.991.158

	trường trung tâm, nạo vét giếng điểm trường lang Kơ Tol và các hạng mục phụ trợ		
13	Xây mới nhà học 02 phòng trường mầm non Hoa Sen	Công ty TNHH MTV Gia Quân KT	971.766
14	Vườn hoa cây xanh trước nghĩa trang liệt sỹ huyện Sa Thầy	LD Công ty Cổ phần Trường Nhật và Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	3.404.709
15	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo đoạn từ đường Trường Chinh đến đường bê tông ngõ 406	Công ty Cổ phần Trường Nhật	929.448
16	Xây dựng vỉa hè và hệ thống cấp, thoát nước khu dân cư thôn 01, thị trấn Sa Thầy	LD Công ty Cổ phần Trường Nhật và Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	3.734.810
17	Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư thôn 2 thị trấn Sa Thầy	LD Công ty Cổ phần Trường Nhật và Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	4.758.890
18	Đầu tư kết cấu hạ tầng mở rộng điểm dân cư dọc theo tuyến đường Trần Quốc Toản (*Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến đường U Rê*)	LD Công ty Cổ phần Trường Nhật và Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	3.451.919
19	Nâng cấp đường Bế Văn Đàn	Công ty Cổ phần Trường Long	4.611.840
20	Sửa chữa, cải tạo mặt đường Trần Hưng Đạo, đường Ngô Quyền	Công ty TNHH Tùng Thịnh KT	3.840.113
21	Nâng cấp đường giao thông thôn 4 (*Đoạn từ hội trường thôn 4 đi khu sản xuất*)	Công ty TNHH Vạn Phú	966.220
22	Khắc phục, sửa chữa đường từ xã Sa Sơn đi thôn Sơn An (*đoạn từ Km3+100-Km4+680*)	Công ty TNHH Tùng Thịnh KT	582.928
23	Khắc phục, sửa chữa nền, mặt đường tại Km5+930 và Km7+420 thuộc đường giao thông từ thị trấn đi xã Ya Ly	Công ty TNHH MTV ĐTXD Tiến Phương	7.505.560
24	Đường đi khu sản xuất làng Tang (*đoạn Km0+00-Km0+720*)	Công ty TNHH MTV Đồng Lợi KT	262.869

25	Đường đi khu sản xuất tập trung làng K' bay (*đoạn Km0+00-Km0+720*)	Công ty Cổ phần Trường Nhật	1.235.805
26	Đường giao thông kết nối giữa đường từ xã Ya Xiêr đi xã Ya Tăng và xã Ya Ly	Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	780.015
27	Đường đi khu sản xuất Đăk Bliết	Công ty Cổ phần Trường Nhật	2.111.523
28	Đường vào khu sản xuất làng Tang (*Đoạn từ nhà ông Lê Văn Cao đi khu sản xuất*)	Công ty TNHH Tùng Thịnh KT	648.239
29	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Sa Nghĩa	Công ty TNHH Nhật Á Châu	1.012.822
30	Hệ thống cống thoát nước ngang và bê tông một số đoạn đường đi khu sản xuất thôn Khúc Loong, Gia Xiêng, Rờ Kơi và Kram xã Rờ Kơi	Công ty TNHH Tùng Thịnh KT	1.557.754
31	Cầu treo phục vụ sản xuất thôn Ia Lân, Ia Mang, Ia Rên, Ia Tri, Ia Bong xã Mô Rai	Công ty Cổ phần Trường Nhật	1.122.156
32	Cống hộp và mặt đường hai đầu cống đi khu sản xuất làng Tang, làng Kênh xã Mô Rai	Công ty TNHH Tùng Thịnh KT	1.768.486
33	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (*đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Đào Duy Từ*)	Công ty Cổ phần Trường Nhật	8.426.750
34	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông vào khu sản xuất thôn Sơn An, xã Sa Sơn	Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	1.144.080
35	Sửa chữa, khắc phục cầu tràn làng Lung, huyện Sa Thầy	Công ty TNHH Trường Sinh KT	1.837.759
36	Xây dựng đường giao thông đi khu sản xuất xã Sa Nghĩa	Công ty TNHH Vạn Phú	882.930
37	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 675 đi xã Sa Nhơn	LD Công ty Cổ phần Trường Nhật và Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	4.871.688
38	Dự án điểm khu dân cư thôn 1	LD Công ty Cổ phần Trường Nhật, Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai và Công ty Cổ phần Tân Hưng	15.210.233

39	Kiên cố hóa trường lớp học MN, TH trên đian bàn huyện	Công ty TNHH MTV Đồng Lợi KT	901.646
40	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng thị trấn Sa Thầy (*giai đoạn 1)*	Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai	2.785.989
41	Xây dựng Trụ sở làm việc công an thị trấn Sa Thầy	Công ty Cổ phần Trường Nhật	2.584.604
	Tổng cộng		**101.221.666**